

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 21/4/2023

*“V/v ly hôn, tranh chấp về người trực
tiếp nuôi con khi ly hôn”.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Trung.

2. Ông Dương Thanh Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Kiều Hồng Nhung – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1120/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H – Sinh năm 1993 (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số X đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông T - sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số Y đường Đ, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà H trình bày có nội dung như sau:

Tôi (H) và anh T tìm hiểu và tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 01/8/2017.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó, tôi và anh T phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách, lối sống không hợp nhau, cuộc sống hôn nhân luôn căng thẳng, anh T còn có hành vi bạo lực với tôi.

Chúng tôi đã cố gắng hòa giải, hàn gắn mâu thuẫn nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

Về con chung: Tôi và anh T có hai con chung là cháu K – Sinh ngày 02/11/2018 và cháu V – Sinh ngày 12/9/2021. Do các cháu còn nhỏ nên tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/ 01 cháu/ 01 tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và anh T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn ông T, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông T, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng ông T không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có ý kiến trình bày. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

3. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận đơn khởi kiện của bà H. Chấp nhận bà H được ly hôn với ông T. Về con chung: Bà H và ông T có hai con chung là cháu K – Sinh ngày 02/11/2018 và cháu V – Sinh ngày 12/9/2021. Chấp nhận giao hai con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, số tiền cấp dưỡng là 4.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn bà H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn ông T, cư trú tại số 257/13 Đ, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt không có lý do lần thứ hai, nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 01/8/2017 (Giấy chứng nhận kết hôn số 118). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà H và ông T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà H trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách, lối sống không hợp nhau, dẫn đến cuộc sống hôn nhân luôn căng thẳng, ông T còn có hành vi bạo lực với bà H. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Kết quả xác minh tại địa phương cho biết: Sau khi đăng ký kết hôn, bà H và ông T chung sống tại số Y đường Đ, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cùng với gia đình ông T. Trong quá trình chung sống, giữa bà H và ông T phát sinh mâu thuẫn như thế nào, nguyên nhân vì sao thì địa phương không nắm bắt được do bà H và ông T không yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải. Nay bà H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết cho ly hôn với ông T thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa án để làm việc, hòa giải đoàn tụ, nhưng ông T không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông T là không thể hàn gắn được, hôn nhân lâm vào tình trạng mâu

thuần trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà H xin ly hôn với ông T, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Xét về con chung: Bà H và ông T có hai con chung là cháu K – Sinh ngày 02/11/2018 và cháu V – Sinh ngày 12/9/2021. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến tuổi trưởng thành. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông T không đến Tòa án để làm việc, không có ý kiến nguyện vọng gì về việc nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, cháu K và cháu V còn nhỏ tuổi (cháu V mới được 01 tuổi 06 tháng), cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Do đó vì quyền lợi cũng như đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý của trẻ, cần giao hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng để nuôi con chung, mức cấp dưỡng hàng tháng là 2.000.000 đồng/cháu. Hội đồng xét xử xét thấy, mức cấp dưỡng mà bà H yêu cầu là phù hợp, đáp ứng nhu cầu chi phí sinh hoạt của con chung chưa thành niên, phù hợp với điều kiện kinh tế của ông T. Do đó cần buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/cháu, thời hạn cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2023 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành, việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 05 hàng tháng.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Giao hai con chung cháu K và cháu V cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông T, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cháu V, mức cấp dưỡng hàng tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2023 cho đến khi cháu V đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 05 hàng tháng.

Ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cháu K, mức cấp dưỡng hàng tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2023 cho đến khi cháu K đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 05 hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0022894 ngày 12 tháng 12 năm 2022 (do ông N nộp thay).

Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND phường Tân Thành, TP.BMT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Dương

